

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá, cát vàng dùng trong xây dựng nằm trong khu vực Dự án xây dựng công trình thủy điện Trà Khúc 1 thuộc các xã: Sơn Giang, Sơn Cao, huyện Sơn Hà

Kính gửi: UBND tỉnh Quảng Ngãi

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 153CT/KteCL ngày 26/12/2023 của Công ty Cổ phần Sông Đà 4 về việc kê khai tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường Dự án Thủy điện Trà Khúc 1 thuộc các xã: Sơn Giang, Sơn Cao, huyện Sơn Hà; kèm theo Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ngày 26/12/2023 và các hồ sơ liên quan).

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Bản xác nhận số 01/XN-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 20/05/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

I. Thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Sông Đà 4;
- Địa chỉ: Tầng 3-Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại: 0422253465;
- Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
- Chức vụ/nghề nghiệp: Tổng giám đốc;
- Mã số thuế: 5900189325;
- Loại khoáng sản: Cát vàng dùng trong xây dựng; đá làm vật liệu xây dựng;
- Vị trí (hành chính, địa lý) của khu vực xin cấp phép khai thác: Dự án xây dựng công trình thủy điện Trà Khúc 1 thuộc các xã: Sơn Giang, Sơn Cao, huyện Sơn Hà.

II. Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo công thức sau:

$$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R$$

Trong đó:

T - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính đồng Việt Nam;

Q - Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính m³;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là trị giá đơn vị khoáng sản nguyên khai, sau khai thác, được xác định trên cơ sở giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng;

K₁ - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác; phương pháp khai thác lộ thiên nên K₁= 0,9;

K₂ - Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội: Khu vực khai thác khoáng sản thuộc huyện Sơn Hà nên có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (theo Phụ lục II – Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư), nên K₂ = 0,9

R - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính là phần trăm (%): Đối với cát làm vật liệu xây dựng thông thường và đá làm vật liệu xây dựng thông thường (theo Phụ lục I – Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì cát làm vật liệu xây dựng xếp vào Mục 1, Nhóm 1, nên R = 5%; đá làm vật liệu xây dựng thông thường xếp vào Mục 2, Nhóm 1, nên R = 3%).

Các thông số Q và G được xác định như sau:

1. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (Q) là trữ lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác được xác thực theo khối lượng kê khai thuế tài nguyên đến tháng 06 năm 2023 (khoáng sản khai thác ở trạng thái nở ròi); Trong đó: $Q_{\text{cátxd}} = 12.120 \text{ m}^3$; $Q_{\text{đá1x2}} = 1.861 \text{ m}^3$; $Q_{\text{đá2x4}} = 20.561 \text{ m}^3$ là khoáng sản khai thác ở trạng thái nở ròi (đã có hệ số $H_n = K_{\text{qd}}$).

2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):

Căn cứ Điều 7, Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là (G):

$G = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}}$ (hoặc $= G_{\text{tn}} \times H_n$) được tính đối với khoáng sản chưa khai thác (khoáng sản trong lòng đất);

Vì vậy đối với khoáng sản nguyên khai (khoáng sản đã khai thác ở trạng thái nở ròi) thì giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm tính đối với cát vàng dùng trong xây dựng $G = G_{\text{tncátxd}} = 230.000 \text{ đ/m}^3$, đối với đá 1 x 2 $G = G_{\text{tndá1x2}} = 240.000 \text{ đ/m}^3$; đá 2 x 4 $G = G_{\text{tndá2x4}} = 226.000 \text{ đ/m}^3$ (Bảng giá tính thuế tài nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi).

3. Kết quả xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá, cát vàng dùng trong xây dựng nằm trong khu vực Dự án xây dựng công trình thủy điện Trà Khúc 1 thuộc các xã: Sơn Giang, Sơn Cao, huyện Sơn Hà mà Công ty Cổ phần Sông Đà 4 phải nộp vào ngân sách nhà nước:

- $T_{\text{cátxd}} = Q_{\text{cátxd}} \times G_{\text{cátxd}} \times K_1 \times K_2 \times R = 12.120 \times 230.000 \times 0,9 \times 0,9 \times 5\% = 112.897.800$ đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm đồng).

- $T_{\text{đá1x2}} = Q_{\text{đá1x2}} \times G_{\text{đá1x2}} \times K_1 \times K_2 \times R = 1.861 \times 240.000 \times 0,9 \times 0,9 \times 3\% = 10.853.352$ đồng (Bằng chữ: Mười triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng)

- $T_{\text{đá2x4}} = Q_{\text{đá2x4}} \times G_{\text{đá2x4}} \times K_1 \times K_2 \times R = 20.561 \times 226.000 \times 0,9 \times 0,9 \times 3\% = 112.916.900$ đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, chín trăm mười sáu nghìn, chín trăm đồng).

=> Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá, cát vàng dùng trong xây dựng là:

$T = T_{\text{cátxd}} + T_{\text{đá1x2}} + T_{\text{đá2x4}} = 112.897.800 + 10.853.352 + 112.916.900 = 236.668.052$ đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm năm mươi hai đồng).

4. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp và số lần nộp:

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tổng số tiền cấp quyền khai thác

khoáng sản đối với đá, cát vàng dùng trong xây dựng nằm trong khu vực Dự án xây dựng công trình thủy điện Trà Khúc 1 thuộc các xã: Sơn Giang, Sơn Cao, huyện Sơn Hà mà Công ty Cổ phần Sông Đà 4 phải nộp một lần vào ngân sách Nhà nước theo thông báo của Cục Thuế tỉnh là 236.668.052 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm năm hai đồng*).

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc sở;
- Công ty Cổ phần Sông Đà 4;
- Lưu: VT, KS-TNN_(ht27).

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trung